TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 27 - 6 - 2019
V/v Tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hài

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Minh Côn

2. Bà Nguyễn Thị Xuyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1995 (Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1988 (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng trú tại: Xóm Đ, xã B, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và tại bản khai nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh T kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại nhà của bố mẹ anh T tại Xóm Đ, xã B, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T mải chơi, không chăm lo cho gia đình và có nảy sinh quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, tôi đã nhiều lần bỏ qua, khuyên bảo để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn về đoàn tụ nhưng anh T vẫn không

sửa đổi, do vậy đến tháng 01/2019 cho đến nay tôi đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không thể hàn gắn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Tôi và anh T có 01 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 24/9/2016. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tôi và anh T không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai nên không ý kiến và không đề nghị gì.

Tại bản khai và biên bản anh Nguyễn Mạnh T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với cô N năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn cô N về nhà tôi làm dâu không mang theo tài sản gì ngoài đồ dùng tư trang cá nhân, hai vợ chồng ở chung với bố mẹ đẻ tôi tại xã B.

Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cách sống. Vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng vẫn mâu thuẫn. Đến tháng 12/2018 cô N bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng cũng sống ly thân, không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, khi vợ chồng sống ly thân tôi đã đến đón cô N nhưng cô N không quay về. Nay cô N xin ly hôn tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng tôi về đoàn tụ với nhau do tôi chưa có phương án để thuyết phục cô N. Trường hợp nếu cô N vẫn kiên quyết ly hôn, tôi đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Tôi và cô N có 01 con chung cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 24/9/2016. Trường hợp không thể thuyết phục cô N quay về đoàn tụ, tôi xin được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cô N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay tôi đang làm công nhân tại khu công nghiệp Điềm Thụy thu nhập bình quân khoảng từ 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) đến 7.000.000đ (Bẩy triệu đồng)/tháng.

Về tài sản: Tôi và cô Ngần không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị N giao nộp gồm: 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, 01 bản sao giấy khai sinh con chung Nguyễn Việt A, 01 bản sao Chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị N và Bản sao 01 Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Nguyễn Đức T, Sao kê tài khoản ngân hàng của chủ tài khoản mang tên Bùi Thị N. Anh T không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giải quyết việc xin ly hôn, xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, về tài sản không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai. Anh Nguyễn Mạnh T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng Điều 28, 143, 147 và Điều 228 BLTTDS; Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Việt A, sinh ngày 24/9/2016 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về tài sản: Không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ.

+ Về án phí: Chị N chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đại Từ đã tiến hành hòa giải nhưng chị N, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm, do vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên toà, xem xét ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung, về tài sản không có theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn anh Nguyễn Mạnh T cư trú tại xóm Đ, xã B, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Chị Bùi Thị N và anh Nguyễn Mạnh T kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật, do đó được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị N cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được khoảng 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không chăm lo, quan tâm đến gia đình, chị và hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả, từ tháng 01/2019 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Phía anh T cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cách sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả đến tháng 12/2018 chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị N xin ly hôn anh không nhất trí, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn chị N quay về đoàn tụ, tuy nhiên anh không có phương án hòa giải, không thuyết phục được chị N về đoàn tụ, vợ chồng bất đồng, anh chị vẫn sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau…, do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị N là có căn cứ cần chấp nhận đề nghị của chị N, cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình giải quyết chị N và anh T cùng xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 24/9/2016, hiện nay con chung đang ở cùng với anh T và bố mẹ đẻ anh T. Quá trình giải quyết cả chị N và anh T đều có nguyện vọng được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin được quyền trực tiếp nuôi con, anh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 24/9/2016, cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, vẫn còn nhỏ cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của chị N, mặt khác chị N hiện nay đang là công nhân Công ty Samsung, có thu nhập bình quân từ 8.000.000đ (Tám triệu đồng) đến 9.000.000đ (Chín triệu đồng) / tháng theo sao kê tài khoản chị cung cấp cho Tòa án đảm bảo về cuộc sống và sinh hoạt của con chung. Tại các lời khai anh Tuấn trình bày hiện nay anh đang làm công nhân tại khu công nghiệp Điềm Thụy thu nhập bình quân khoảng từ 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) đến 7.000.000đ (Bẩy triệu đồng)/tháng nhưng anh không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập để đảm bảo cuộc sống của con chung.

Xét đề nghị xin được quyền trực tiếp nuôi con chung của chị N và điều kiện thực tế đảm bảo cho quyền, lợi ích hợp pháp và sự phát triển ổn định của con chung, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần giao con chung Nguyễn Việt A, sinh ngày 24/9/2016 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom con chung: Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Chị N, anh T đều xác định không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Việt A, sinh ngày 24/9/2016 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Về quyền thăm nom con chung: Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai.

4. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đ án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước, được trừ 300.000 đ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012675 ngày 13/3/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị N biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã B, huyện Đại Từ;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÀO NGỌC HÀI